

Bản án số: 330/2017/DS-ST

Ngày: 28/8/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Thanh Dung
2. Ông Phạm Bá Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2017/TLST-DS ngày 27/3/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Trụ sở: Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc K, sinh năm 1987 (Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2017) (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1978

Thường trú: đường B, khu phố T, phường H, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) do ông Lê Ngọc K làm đại diện trình bày:

Ngày 07/6/2011, Ngân hàng T và ông Nguyễn Hữu Đ ký thỏa thuận đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, theo đó, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Hữu Đ với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Hữu Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 122.002.714 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày khởi kiện, ông Nguyễn Hữu Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 121.869.903 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Hữu Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Hữu Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/02/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 25/02/2017, ông Nguyễn Hữu Đ còn nợ Ngân hàng số tiền 30.453.126 đồng, trong đó, nợ gốc là 17.910.628 đồng, lãi quá hạn là 12.542.498 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng số tiền 30.453.126 đồng. Ông Nguyễn Hữu Đ có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/02/2017 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số dư nợ gốc quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/6/2011, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T.

Ngân hàng T chỉ cho cá nhân ông Nguyễn Hữu Đ vay tiền, không liên quan đến người khác, do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Hữu Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

2. Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng T do ông Lê Ngọc K làm đại diện có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời nộp bản tự khai xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ phải thanh toán ngay số tiền còn nợ tính đến ngày 28/8/2017 là 33.610.198 đồng, trong đó, nợ gốc là 17.910.628 đồng, lãi quá hạn là 15.699.570 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 29/8/2017 cho đến khi ông Nguyễn Hữu Đ thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/6/2011, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

4.2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả xác minh ngày 19/4/2017 của Công an phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ có hộ khẩu thường trú tại số 199/11, đường Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh không còn cư trú tại địa phương từ tháng 01/2015, đi đâu làm gì không rõ. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 21/4/2017, Ngân hàng T do ông Lê Ngọc K đại diện đã xác định Ngân hàng không cung cấp được địa chỉ khác của ông Nguyễn Hữu Đ và yêu

cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Khoản 4 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại đơn khởi kiện là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Nguyên đơn Ngân hàng T do ông Lê Ngọc K làm đại diện có đơn xin vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

1.3. Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ.

2. Về nội dung:

Ông Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông Đ vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông Đ đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của Ngân hàng T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Đối với yêu cầu trả nợ gốc là 17.910.628 đồng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/6/2011 giữa Ngân hàng T và ông Nguyễn Hữu Đ, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Hữu Đ được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 472074 – 5067 hạn mức 25.000.000 đồng, sau khi cấp thẻ, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 122.002.714 đồng, ông Nguyễn Hữu Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 121.869.903 đồng, lần cuối cùng thanh toán vào ngày 25/12/2014, từ ngày 25/01/2015, ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng T là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, Ngân hàng và ông Đ được quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, theo quy định tại Điều 19, Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, ông Đ có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ. Ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng được 121.869.903 đồng, còn nợ lại 17.910.628 đồng. Căn cứ Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T, do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ thanh toán khoản tiền nợ gốc còn lại là 17.910.628 đồng là có căn cứ.

2.2. Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi quá hạn là 15.699.570 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì: Đối với khoản nợ vay không trả nợ đúng hạn, được tổ chức tín dụng đánh giá là không có khả năng trả nợ đúng hạn và không chấp nhận cho cơ cấu lại thời gian trả nợ thì số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng là nợ quá hạn.

Đồng thời, căn cứ Điều 11 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước thì mức lãi suất áp dụng với khoản nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong thời hạn vay.

Ngày 25/01/2015 ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 25/02/2015, Ngân hàng xác định ông Đ không trả nợ đúng hạn và số dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 25/02/2015 đến ngày 28/8/2017 với số tiền 15.699.570 đồng là có căn cứ.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc ông Nguyễn Hữu Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/8/2017 là 33.610.198 đồng, trong đó, nợ gốc là 17.910.628 đồng, lãi quá hạn là 15.699.570 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 29/8/2017 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/6/2011 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Hữu Đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu Đ phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 186, Khoản 4 Điều 189, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế

cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

Căn cứ Điều 19, Điều 22 Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

Buộc ông Nguyễn Hữu Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tính đến ngày 28/8/2017 là 33.610.198 đồng, trong đó, nợ gốc là 17.910.628 đồng, lãi quá hạn là 15.699.570 đồng.

Ông Nguyễn Hữu Đ có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 29/8/2017 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/6/2011 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Hữu Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu Đ phải chịu là 1.680.510 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 761.328 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015075 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T và ông Nguyễn Hữu Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Châu